

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **129/2019/DS-PT**

Ngày: 08/5/2019

V/v tranh chấp: “*Chia thừa kế theo pháp luật,
thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương;

Ông Võ Trung Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Minh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 03 tháng 4 và ngày 02, 08 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2018/TLPT – DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Chia thừa kế theo pháp luật, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 166/2018/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 385/2018/QĐ - PT ngày 19 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Hữu H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: ông Lê Hoàng A, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 362B, tổ 18, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Ngô Hoàng N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: ông Võ Trọng K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 7/11, đường P, phường 3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Chị Ngô Bích N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 333A, tổ 23, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Ngô Xuân H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 195A, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Chị Ngô Hồng N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Chung cư T, phường Đ, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: ông Võ Trọng K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 7/1, đường P, phường 3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Chị Đoàn Thanh N, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: ông Lê Hoàng A, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 362B, tổ 18, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Anh Ngô Gia B, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2000;

3.5. Anh Ngô Gia L, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2004;

Đại diện theo pháp luật: Chị Đoàn Thanh N, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngô Hữu H, bị đơn Ngô Hoàng N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Hồng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngô Hữu H và đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoàng A trình bày:*

Cụ Nguyễn Thị S sinh năm 1923 (chết năm 1993) có con duy nhất là ông Ngô Văn K sinh năm 1941 (chết năm 2016), ông K có vợ là bà Nguyễn Thị L sinh năm 1945 (chết năm 2006), ông K và bà L có 05 người con gồm: Ngô Xuân H, Ngô Hữu H, Ngô Bích N, Ngô Hoàng N và Ngô Hồng N. Sinh thời, cụ S là bà nội anh H, có tạo lập căn nhà kết cấu cột gỗ quy cách, vách mái tôn, tường kè, nền gạch tàu, ngang 5m dài 7m gắn liền với thửa đất tọa lạc tại số nhà 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, anh H sống với cụ S từ nhỏ. Khi cụ S chết, vợ chồng anh H tiến hành xây dựng lại nhà kiên cố, kết cấu cột bê tông, vách tường, mái bê tông, 01 trệt 02 lầu, cha mẹ anh H là bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn K kê khai và được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 5203010182, vào sổ số 8066 ngày 28/8/2000 diện tích 64,27 m² (đo đạc thực tế 88,4 m²) căn nhà do vợ

chồng anh H quản lý sử dụng, chị Hoàng N ở bán quầy thuốc tây. Ngoài ra cha mẹ anh H có tạo lập được căn nhà, kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch men gắn liền với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 4, diện tích 205,2 m² (đo đạc thực tế 191,2 m²) tọa lạc tại số nhà 333A, tổ 23, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng do ông Ngô Văn K đứng tên, căn nhà này do chị Bích N quản lý sử dụng và có sửa chữa xây dựng lại. Khi ông K và bà L chết không để lại di chúc. Mặc khác, thời gian ông K bệnh vợ chồng anh H bỏ ra tổng chi phí nuôi bệnh là 623.924.381 đồng.

Nay anh H yêu cầu xác định thửa đất tọa lạc tại số nhà 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn K đứng tên sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và thửa đất số 144 tọa lạc tại số nhà 333A, tổ 23, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Ngô Văn K đứng tên quyền sử dụng là di sản thừa kế của ông K, bà L.

- Yêu cầu chia trị giá thửa đất tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang thành 05 kỷ phần, anh H yêu cầu nhận đất và thối chia lại giá trị đất cho các đồng thừa kế khác. Xác định căn nhà trên đất này là tài sản riêng của vợ chồng anh H.

- Yêu cầu chia thửa đất số 144 tọa lạc tại số 333A, tổ 23 khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang thành 05 kỷ phần, anh yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế trị giá bằng tiền. Đối với căn nhà gắn liền với thửa đất này anh H không tranh chấp.

- Yêu cầu Tòa án khấu trừ số tiền 623.924.381 đồng nuôi bệnh ông Ngô Văn K vào tổng giá trị di sản thừa kế trả cho anh H trước khi phân chia.

- Yêu cầu chị Hoàng N tự di dời đồ đạc tư trang cá nhân và cơ sở mua bán thuốc tây đi nơi khác, trả lại mặt bằng căn nhà 195 cho anh H sử dụng.

** Bị đơn Ngô Hoàng N và đại diện ủy quyền của bị đơn anh Võ Trọng K trình bày:*

Ông Ngô Văn K sinh năm 1941 (chết năm 2016) có vợ là bà Nguyễn Thị L sinh năm 1945 (chết năm 2006), ông K và bà L có 05 người con gồm: Ngô Xuân H, Ngô Hữu H, Ngô Bích N, Ngô Hoàng N và Ngô Hồng N. Sinh thời ông K, bà L hưởng thừa kế và tạo lập được tài sản gồm căn nhà kiên cố, kết cấu cột bê tông, vách tường, mái bê tông, 01 trệt 02 lầu tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn K đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số

5203010182, vào sổ số 8066 ngày 28/8/2000 diện tích 64,27 m² (đo đạc thực tế 88,4 m²), căn nhà này do bà L ông K bỏ tiền ra xây dựng không phải vợ chồng anh H xây dựng, chị Hoàng N ở và mua bán thuốc tây tại đây, ngoài ra ông K bà L còn có một căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch men, tọa lạc tại số nhà 333A, tổ 23, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang gắn liền với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 4, diện tích 205,2 m² (đo đạc thực tế 191,2 m²) được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Ngô Văn K đứng tên, căn nhà này chị Bích N đang quản lý sử dụng, quá trình sử dụng chị Bích N có tôn tạo sửa chữa. Khi ông K và bà L chết không để lại di chúc, chị Hoàng N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh H. Nay chị yêu cầu:

- Tòa án xác định căn nhà 01 trệt 02 lầu gắn liền với thửa đất tọa lạc tại số nhà 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn K đứng tên sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và thửa đất số 144 tọa lạc tại số 333A, tổ 23 khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Ngô Văn K đứng tên quyền sử dụng là di sản thừa kế của ông K, bà L.

- Yêu cầu chia trị giá căn nhà 01 trệt 02 lầu gắn liền với thửa đất tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang thành 05 kỷ phần, chị yêu cầu nhận nhà, đất và thối chia giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác.

- Yêu cầu chia thửa đất số 144 tọa lạc tại số 333A, tổ 23 khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang thành 05 kỷ phần, chị yêu cầu nhận trị giá bằng tiền. Đối với căn nhà gắn liền với thửa đất này chị không tranh chấp.

- Chị Hoàng N không đồng ý khấu trừ 623.924.381 đồng nuôi bệnh ông K vào trị giá toàn bộ di sản thừa kế trước khi phân chia, vì khi ông K bệnh, tất cả các anh chị em cùng bỏ tiền ra lo, không phải một mình vợ chồng anh H.

** Bị đơn Ngô Bích N trình bày:*

Thông nhất lời trình bày của anh Võ Trọng K là đại diện ủy quyền của chị Ngô Hoàng N về hàng thừa kế và di sản thừa kế của ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị L. Đối với căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch men, tọa lạc tại số nhà 333A, tổ 23 khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang gắn liền với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 4, diện tích 205,2 m² (đo đạc thực tế 191,2 m²) do ông Ngô Văn K đứng tên quyền sử dụng trước đây có căn nhà cũ của cha mẹ, chị là người quản lý sử dụng căn nhà nên có tôn tạo sửa sang lại

nhưng trong vụ án các đồng thừa kế chỉ tranh chấp đất, không tranh chấp nhà nên chị không có yêu cầu bồi hoàn. Khi cha mẹ chết không để lại di chúc.

Nay chị xác định căn nhà 1 trệt 02 lầu gắn liền thửa đất tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông K bà L đứng tên và thửa đất số 144 tọa lạc tại số nhà 333A, tổ 23 khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Chị cũng không đồng ý khấu trừ 623.924.381 đồng tiền nuôi bệnh ông K vào trị giá toàn bộ di sản thừa kế trước khi phân chia vì khi cha bệnh, tất cả các anh chị em cùng bỏ tiền ra lo. Đối với nhà và đất tọa lạc tại số 195 chị xin nhận kỷ phần thừa kế trị giá bằng tiền còn thửa đất số 144 tọa lạc tại số nhà 333A chị đang quản lý sử dụng chị xin nhận đất và thối chia trị giá bằng tiền cho các đồng thừa kế khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Hồng N và đại diện ủy quyền của chị Ngô Hồng N anh Võ Trọng K trình bày:*

Thông nhất về hàng thừa kế và di sản thừa kế của ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị L như lời trình bày của các bị đơn. Nay chị Hồng N xác định căn nhà 01 trệt 02 lầu gắn liền thửa đất tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông K bà L đứng tên và thửa đất số 144 tọa lạc 333A, tổ 23 khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông K đứng tên là di sản của cha mẹ chị để lại không có di chúc. Đối với thửa đất số 144 trước đây có căn nhà cũ của cha mẹ, chị Bích N là người quản lý sử dụng căn nhà nên có tôn tạo sửa sang lại, chị không tranh chấp căn nhà, nếu chia thừa kế thửa đất số 144 chị yêu cầu nhận trị giá bằng tiền, chị không đồng ý khấu trừ 623.924.381 đồng nuôi bệnh ông K và trị giá tài sản trước khi chia.

Ngoài ra, chị Hồng N có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật trị giá căn nhà 01 trệt 02 lầu gắn liền với thửa đất tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, chị nhận giá trị bằng tiền.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Xuân H trình bày:*

Thông nhất toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế, chị xác định căn nhà 01 trệt 02 lầu gắn liền thửa đất tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông K bà L đứng tên và thửa đất số 144 tọa lạc tại số nhà 333A, tổ 23 khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông K đứng tên là di sản của cha mẹ chị để lại không có di chúc, chị cũng không đồng ý khấu trừ tiền nuôi bệnh ông K vào trị giá toàn bộ di sản thừa kế trước khi phân chia vì khi cha bệnh, tất cả các anh chị em cùng bỏ tiền ra lo. Đối với thửa đất số 144 tọa lạc tại số 333A, tổ 23 khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang

do ông K đứng tên, trước đây có căn nhà cũ của cha mẹ, chị Bích N là người quản lý sử dụng căn nhà nên có tôn tạo sửa sang lại chị không tranh chấp căn nhà.

Nay chị yêu cầu chia tổng giá trị di sản thừa kế gồm nhà và đất tọa lạc số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang và thửa đất số 144 tọa lạc 333A, tổ 23 khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang thành 05 kỷ phần, yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế trị giá bằng tiền. Chị không đồng ý khấu trừ 623.924.381 đồng nuôi bệnh ông K vào di sản thừa kế.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thanh N và đại diện ủy quyền của chị Đoàn Thanh N là ông Lê Hoàng A trình bày:*

Thông nhất toàn bộ lời trình bày của đại diện ủy quyền nguyên đơn, không ý kiến gì thêm.

** Đại diện theo pháp luật của cháu Ngô Gia B, Ngô Gia L là chị Đoàn Thanh N có đơn xin vắng mặt.*

Tại tờ tự khai ngày 02/8/2018 cháu B, cháu L có yêu cầu cho gia đình các cháu nhận phần đất có căn nhà tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án dân sự sơ thẩm số 166/2018/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 166, 168, 203 của Luật đất đai; Điều 357, 615, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hữu H. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Ngô Hoàng N. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Ngô Hồng N.

- Xác định thửa đất số 144, tờ bản đồ số 4, diện tích 205,2 m² (đo đạc thực tế 191,2 m²) mục đích sử dụng đất ở đô thị (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ chưa cấp đổi mới là thửa đất số 174A, tờ bản đồ số 112 diện tích 318 m² loại đất QT) tọa lạc tại số nhà 333A, tổ 23, khu 3, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Ngô Văn K đứng tên quyền sử dụng đất trị giá 3.483.632.465 đồng và căn nhà có kết cấu chung: nhà 3 tầng, cột bê tông, vách tường, mái bê tông, nền gạch ceramic, khu phụ gắn liền với phần đất có diện tích 64,27 m² (đo đạc thực tế là 88,4m²) (VLAP là thửa đất số 98) tọa lạc tại số nhà 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn K đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở trị giá

3.025.488.750 đồng là di sản thừa kế của ông K, bà L chết để lại không có di chúc.

- Chấp nhận yêu cầu khấu trừ 623.624.381 đồng (sáu trăm hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi một đồng) điều trị bệnh ông Ngô Văn K vào trị giá di sản thừa kế trước khi chia thừa kế.

- Chia cho anh H căn nhà có kết cấu chung: nhà 3 tầng, cột bê tông, vách tường, mái bê tông, nền gạch ceramic, khu phụ gắn liền phần đất có diện tích 64,27 m² (đo đạc thực tế là 88,4m²) (theo VLAP là thửa đất số 98) tọa lạc số nhà 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn K đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, có trị giá sau khi khấu trừ chi phí nuôi bệnh ông K còn lại là 2.401.864.369 đồng (hai tỷ bốn trăm lẻ một triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi chín đồng). Anh H có nghĩa vụ thôi chia kỷ phần di sản trị giá bằng tiền cho chị Ngô Hoàng N, Ngô Bích N, Ngô Hồng N, Ngô Xuân H mỗi người là 480.372.873 đồng (bốn trăm tám mươi triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng), thực hiện một lần.

- Buộc chị Ngô Hoàng N tự di dời đồ đạc tư trang cá nhân và cơ sở mua bán thuốc tây giao lại cho anh H căn nhà số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ghi nhận anh H hoàn trả 12.251.250 đồng (mười hai triệu hai trăm năm mươi một ngàn hai trăm năm chục đồng) trị giá vách nhôm kính quầy thuốc cho chị Ngô Hoàng N một lần.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Ngô Hữu H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở phần diện tích nhà và đất được chia theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của anh H xác định căn nhà có kết cấu chung: nhà 3 tầng, cột bê tông, vách tường, mái bê tông, nền gạch ceramic, khu phụ tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản của vợ chồng anh H.

Không chấp nhận yêu cầu chia căn nhà có kết cấu chung: nhà 3 tầng, cột bê tông, vách tường, mái bê tông, nền gạch ceramic, khu phụ gắn liền phần đất diện tích 64,27 m² (đo đạc thực tế là 88,4m²) (theo VLAP là thửa đất số 98) tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho chị Ngô Hoàng N.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự gồm anh Ngô Hữu H, chị Ngô Hoàng N, chị Ngô Bích N, chị Ngô Hồng N, chị Ngô Xuân H giao thửa đất số 144, tờ bản đồ số 4, diện tích 205,2 m² mục đích sử dụng đất ở đô thị (đo đạc thực tế 191,2 m²) (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ chưa cấp đổi mới là thửa đất số 174A, tờ bản đồ số 112 diện tích 318 m² loại đất QT) do ông Ngô Văn K đứng tên quyền sử dụng đất tọa lạc tại số nhà 333A, tổ 23 khu 3, Thị trấn C, huyện C trị giá 3.483.632.465 (ba tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba

mười hai ngàn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) cho chị Ngô Bích N, chị Bích N thối chia lại cho các đồng thừa kế gồm anh Ngô Hữu H, chị Ngô Hoàng N, chị Ngô Hồng N và chị Ngô Xuân H mỗi người nhận một kỷ phần với số tiền là 696.726.493 đồng (sáu trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng) làm một lần.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Ngô Bích N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất được chia theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên phải thi hành chậm thi hành khoản tiền còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, nguyên đơn Ngô Hữu H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Xác định căn nhà số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản do vợ chồng anh H xây dựng, không phải là di sản thừa kế. Ngoài ra, anh Ngô Hữu H đề nghị lấy giá bình quân của căn nhà số 333A, tổ 23, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang để chia thừa kế.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, bị đơn Ngô Hoàng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Hồng N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Không chấp nhận yêu cầu cản trở tiền nuôi cha vào di sản thừa kế và giao căn nhà số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho chị Ngô Hoàng N vì chị Ngô Hoàng N có nhu cầu sử dụng và làm nơi thờ cúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của anh H thay đổi 01 phần yêu cầu kháng cáo xác định căn nhà số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản do vợ chồng anh H xây dựng, yêu cầu tính lại giá đất của căn nhà số 195 có diện tích là 64,27m² là đất thổ cư còn lại diện tích 22m² là cây lâu năm nhưng cấp sơ thẩm tính hết giá đất thổ cư, xem xét công sức bảo quản di sản thừa kế cho anh H.

Đại diện ủy quyền của bị đơn Ngô Hoàng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Hồng N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Không chấp nhận yêu cầu cản trở tiền nuôi cha vào di sản thừa kế và giao căn nhà số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho chị Ngô Hoàng N quản lý, chị đồng ý nâng giá nhà đất nêu trên lên 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng)

Hai bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Về yêu cầu kháng cáo của anh H yêu cầu xác định căn nhà số 195 là của vợ chồng anh H là không có căn cứ, tuy nhiên trong quá trình sinh sống năm 2012 anh H có sửa chữa căn nhà theo định giá là 172.595.744 đồng là có căn cứ, đề nghị phần sửa chữa trừ ra giá trị ngôi nhà. Đối với số tiền điều trị bệnh cho ông K cấp sơ thẩm trừ vào di sản thừa kế là có căn cứ. Đối với diện tích 88,4m² trong đó có 24,13m² đất cây lâu năm anh H yêu cầu định giá lại cây lâu năm là có căn cứ. Ngoài ra đại diện ủy quyền của anh H đề nghị xem xét công sức gìn giữ di sản thừa kế cho anh H bằng 01 kỷ phần thừa kế là phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu nâng giá trị nhà đất số 195 lên giá 4.000.000.000 đồng và giữ nguyên thương hiệu nhà thuốc Đ, chị Hoàng N nhận nhà và không đồng ý trừ chi phí điều trị bệnh của ông K và di sản thừa kế việc kháng cáo này không được anh H đồng ý nên không có căn cứ.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hoàng N và chị Hồng N. Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của anh Ngô Hữu H, chị Ngô Hoàng N, chị Ngô Hồng N là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là đúng với quy định tại Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án nhân dân huyện C xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Chia thừa kế theo pháp luật và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” là đúng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Thị S chết năm 1993 có 01 người con là ông Ngô Văn K chết năm 2016, ông K và bà Nguyễn Thị L chết năm 2006 chung sống với nhau có 05 người con: Ngô Xuân H, Ngô Hữu H, Ngô

Bích N, Ngô Hoàng N, Ngô Hồng N. Như vậy theo quy định pháp luật thì hàng thừa kế thứ nhất của ông K, bà L gồm có 05 người con như trên.

[4.2] Về di sản thừa kế: Ông K và bà L có tạo lập được căn nhà gắn liền thửa đất số 144 tờ bản đồ số 04, diện tích 205,2m² (đo thực tế là 191,2m²) tọa lạc tại số 333A, tổ 23, khu 3 thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông K đứng tên và ông K, bà L được hưởng di sản thừa kế từ cụ S để lại là căn nhà gắn liền diện tích đất 64,27m² (đo thực tế 88,4m²) tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông K, bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà được UBND huyện C cấp ngày 28/8/2000, ông K bà L chết không để lại di chúc. Hiện căn nhà số 333A do chị Bích N quản lý, căn nhà số 195 do anh H quản lý.

Đối với căn nhà số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang anh H cho rằng anh sống chung với cụ S từ nhỏ sau khi cụ S qua đời thì căn nhà bị hư. Năm 1998 anh cất lại ngôi nhà mới hiện trạng như hiện nay. Mặc dù anh H có cung cấp được hợp đồng xây dựng nhà, hóa đơn mua vật liệu xây dựng và tiền công thợ, nhưng đến năm 2000 anh đã thống nhất để cho ông K, bà L kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà anh không có khiếu nại thắc mắc xem như anh đã thống nhất nhà này là của ông K, bà L. Do đó căn nhà số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của ông K, bà L. Anh H kháng cáo yêu cầu xác định căn nhà là tài sản của vợ chồng anh là không có căn cứ.

Như vậy di sản thừa kế của ông K, bà L gồm căn nhà gắn liền thửa đất số 144, tờ bản đồ số 04, diện tích 205,2m² (đo thực tế là 191,2m²) tọa lạc tại số 333A, tổ 23, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông K đứng tên và ông K, bà L được hưởng di sản thừa kế từ cụ S để lại là căn nhà gắn liền diện tích đất 64,27m² (đo thực tế 88,4m²) tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông K, bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở được UBND huyện C cấp ngày 28/8/2000, ông K, bà L chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế của ông K, bà L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Đối với căn nhà số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông K, bà L đứng tên có diện tích đất 64,27m² (đo thực tế 88,4m²) từ khi cụ S chết anh H là người quản lý. Theo anh H vào năm 2012 nhà xuống cấp anh có sửa chữa lại như làm gác lửng, nhà vệ sinh, sơn lại toàn bộ căn nhà, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận anh H có sơn lại nhà không làm gì thêm, anh H có cung cấp hóa đơn mua vật liệu xây dựng, trả công thợ tổng số tiền là 187.942.620 đồng như qua định giá tại chứng thư

thẩm định giá của công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE tháng 3/2019 thì giá trị phần sửa chữa là 172.595.744 đồng số tiền này tương đương với hóa đơn chứng từ anh H cung cấp anh sửa chữa nhà vào năm 2012. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần sửa chữa căn nhà số 195 cho anh H là 172.595.744 đồng. Căn nhà này theo chứng thư thẩm định giá của công ty cổ phần thẩm định giá BTC VALUE tháng 01/2018 là 756.843280 đồng. Phần sửa chữa được trừ vào giá trị căn nhà như vậy giá trị căn nhà còn lại để chia thừa kế là 584.247.536 đồng.

Về diện tích đất của căn nhà số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông K, bà L đứng tên có diện tích đất ở là $64,27m^2$ (đo thực tế là $88,4m^2$) theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC VALUE tháng 01/2018 thì công ty tính hết giá đất thổ cư của diện tích $88,4m^2$ giá 25.802.000 đồng/ m^2 thành tiền là 2.280.896.800 đồng, anh H kháng cáo yêu cầu định giá lại phần đất tăng có diện tích $24,13m^2$ là đất cây lâu năm. Xét yêu cầu kháng cáo của anh H là có căn cứ. Bởi vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của ông K, bà L đứng tên ngày 28/8/2000 đất ở chỉ có diện tích $64,27m^2$. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì phần đất tăng có diện tích $24,13m^2$ là đất cây lâu năm nằm trong hành lang lộ giới. Theo chứng thư thẩm định giá của công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE tháng 03/2019 đất cây lâu năm có giá là 21.078.000 đồng/ m^2 . Như vậy diện tích đất ở $64,27m^2$ giá 25.802.000 đồng/ m^2 thành tiền là 1.658.294.540 đồng, diện tích cây lâu năm là $24,13m^2$ giá 21.078.000 đồng/ m^2 thành tiền là 508.612.140 đồng, tổng cộng giá trị diện tích đất $88,4m^2$ là 2.166.906.680 đồng. Tổng cộng nhà đất số 195 tổ 18 khu 3 thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 2.751.154.216 đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Hồng N kháng cáo tăng giá trị nhà đất của số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang lên 4.000.000.000 đồng, chị Hoàng N xin nhận nhà chia lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác và đề nghị giữ nguyên thương hiệu nhà thuốc Đ. Hội đồng xét xử xét thấy anh H từ nhỏ chung sống với cụ S quản lý nhà thuốc Đ có giấy chứng nhận hành nghề được Sở Y tế tỉnh Tiền Giang cấp cho anh H từ năm 1996, đến khi cụ S, ông K bà L qua đời anh H là người trực tiếp quản lý cho đến nay. Mặc dù bị đơn có cung cấp anh H hiện đang có đất tại thị trấn C. Tuy nhiên anh H cùng gia đình đã ở ổn định trên căn nhà này từ nhỏ do đó cần tiếp tục giao cho anh H quản lý sở hữu buộc anh H chia lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác là phù hợp nên bị đơn Ngô Hoàng N kháng cáo xin nhận nhà là không có căn cứ.

Việc bị đơn Ngô Hoàng N nâng giá nhà đất số 195 lên 4.000.000.000 đồng để xin được nhận nhà đất do chị không có chỗ ở. Xét thấy việc nâng giá này của chị Hoàng N không được anh H đồng ý, cũng như không căn cứ trên cơ sở nào để xác định nhà đất số 195 giá là 4.000.000.000 đồng nên cần căn cứ vào giá do Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE là 2.751.154.216 đồng để chia thừa kế.

Ngoài ra chị Hoàng N cho rằng hiện nay không có chỗ ở. Tuy nhiên chị Hoàng N nhận được kỷ phần thừa kế bằng giá trị do đó việc tìm mua chỗ ở khác là không ảnh hưởng gì đến cuộc sống của chị Hoàng N. Hơn nữa nguyên đơn cung cấp chị Hoàng N đã có chuyển nhượng thửa đất 298 tọa lạc tại khu phố 4 thị trấn C huyện C và cơ sở bán thuốc tây của chị Hoàng N cũng đã chuyển đến đây để kinh doanh mua bán. Ngoài ra chị Hoàng N còn đang đề cơ sở mua bán thuốc tây trong căn nhà số 195 chia cho anh H nên buộc chị Hoàng N có nghĩa vụ di dời đồ tư trang và cơ sở mua bán thuốc tây đi nơi khác. Anh H tự nguyện hoàn lại giá trị cửa nhôm kính quầy thuốc tây cho chị Hoàng N 12.251.250 đồng nên ghi nhận.

Như vậy nhà đất số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang giao cho anh H trị giá là 2.751.154.216 đồng. Tuy nhiên trong quá trình ông K bệnh từ năm 2014 đến năm 2016 ông K chết anh H điều trị bệnh cho ông K tổng cộng chi phí là 623.624.381 đồng anh H có cung cấp được hóa đơn chứng từ do anh và vợ là Đoàn Thanh N là người đóng tiền viện phí khi ông K điều trị bệnh tại các bệnh viện. Chị Hoàng N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hàng thừa kế của ông K kháng cáo không đồng ý trừ chi phí điều trị bệnh của ông K vào khối di sản thừa kế. Bởi vì khi ông K bệnh các chị cũng có bỏ tiền ra điều trị không riêng gì anh H. Nhưng chị Hoàng N và hàng thừa kế của ông K không có giấy tờ gì chứng minh. Do đó tiền điều trị bệnh cho ông K anh H yêu cầu trừ vào giá trị di sản thừa kế do ông K để lại là có căn cứ. Vậy số tiền điều trị bệnh cho ông K là 623.624.381 đồng được trừ vào di sản thừa kế do đó giá trị di sản thừa kế nhà đất số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang giao cho anh H trị giá là 2.127.529.835 đồng. Như vậy anh H được nhận lại tiền điều trị bệnh của ông K nằm trong giá trị căn nhà. Nên kháng cáo của chị Hoàng N và Hồng N không đồng ý trừ chi phí trị bệnh cho ông K là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm chia nhà đất số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho 05 kỷ phần thừa kế là thiếu sót chưa xem xét đến công sức giữ gìn, tôn tạo khối di sản thừa kế của ông K, bà L từ khi cụ S chết đến nay anh H quản lý theo tinh thần của Án lệ số 05/2016/AL được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06-4-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao là có phần thiệt thòi cho anh H. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền anh H

yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét công sức, tôn tạo, gìn giữ di sản thừa kế của anh H như nhận định trên là phù hợp đúng qui định của pháp luật không vượt quá yêu cầu khởi kiện yêu cầu kháng cáo nên chấp nhận.

Vậy hàng thừa kế của ông K, bà L có 05 người, công sức giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị khối di sản của anh H bằng tương đương 01 kỷ phần thừa kế. Do đó nhà đất 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang chia làm 06 phần anh H được hưởng 02 phần trong đó có 01 phần là công sức giữ gìn, tôn tạo khối di sản của ông K, bà L. Số tiền 2.127.529.835 đồng được chia làm 06 phần, mỗi kỷ phần thừa kế là 354.588.305 đồng. Buộc anh H chia lại kỷ phần thừa kế cho chị Hoàng N, Hồng N, Bích N và Xuân H mỗi người là 354.588.305 đồng.

Đối với căn nhà gắn liền thửa đất số 144 tờ bản đồ số 04, diện tích 205,2m² (đo thực tế là 191,2m²) tọa lạc tại số 333 A, tổ, khu 3 thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông K đứng tên. Hiện nay chị Ngô Bích N quản lý chị Bích N có sửa chữa lại căn nhà hàng thừa kế của ông K, bà L không có tranh chấp căn nhà là có xem xét đến công sức giữ gìn, tôn tạo khối di sản của thừa kế của ông K, bà L cho chị Bích N và đồng ý giao cho chị Bích N quản lý diện tích 205,2m² (đo thực tế là 191,2m²). Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế diện tích 205,2m² (đo thực tế là 191,2m²) cho 05 kỷ phần và giao diện tích 205,2m² (đo thực tế là 191,2m²) cho chị Bích N tiếp tục quản lý là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hàng thừa kế của ông K bà L đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 21/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C thì giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 191,2m² trị giá 17.000.000 đồng/m² thành tiền là 3.250.400.000 đồng chia 05 kỷ phần thì mỗi kỷ phần được chia là 650.080.000 đồng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lấy giá là 3.483.632.465 đồng chia cho 05 kỷ phần mỗi kỷ phần là 696.726.493 đồng (trong đó có giá trị nhà) trong khi đó căn nhà các bên không tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý điều chỉnh lại giá trị phần đất là 3.250.400.000 đồng nên cấp phúc thẩm chia lại mỗi kỷ phần được nhận thừa kế là 650.080.000 đồng. Chị Bích N có nghĩa vụ hoàn lại kỷ phần thừa kế cho anh H, chị Hoàng N, Hồng N, và Xuân H mỗi người là 650.080.000 đồng

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngô Hữu H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn Ngô Hoàng N và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan Ngô Hồng N. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Về án phí do kháng cáo của anh H chấp nhận một phần nên anh H không chịu án phí phúc thẩm, chị Hoàng N, chị Hồng N do kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 03/4/2019, đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu xác minh tài sản của nguyên đơn ở huyện C và thành phố H chi phí hết 3.500.000 đồng yêu cầu nguyên đơn trả lại. Xét thấy việc yêu cầu này là của bị đơn nay yêu cầu nguyên đơn trả lại là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 166, 168, 203 của Luật đất đai; Điều 357, 615, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 227, 228 khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14.

Xử: Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Hữu H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Hoàng N và Ngô Hồng N.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 166/2018/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hữu H. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Ngô Hoàng N. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Ngô Hồng N.

- Xác định thửa đất số 144, tờ bản đồ số 4, diện tích 205,2 m² (đo đạc thực tế 191,2 m²) mục đích sử dụng đất ở đô thị (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ chưa cấp đổi mới là thửa đất số 174A, tờ bản đồ số 112, diện tích 318 m², loại đất QT) tọa lạc tại số nhà 333A, tổ 23, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Ngô Văn K đứng tên quyền sử dụng đất trị giá 3.250.400.000 đồng và căn nhà có kết cấu chung: nhà 3 tầng, cột bê tông, vách tường, mái bê tông, nền gạch ceramic, khu phụ gắn liền với phần đất có diện tích 64,27 m² (đo đạc thực tế là 88,4m²) (VLAP là thửa đất số 98) tọa lạc tại số nhà 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn K đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở trị giá 2.751.154.216 đồng là di sản thừa kế của ông K, bà L chết để lại không có di chúc.

- Chấp nhận yêu cầu khấu trừ 623.624.381 đồng (sáu trăm hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi một đồng) chi phí điều trị

bệnh của ông Ngô Văn K vào trị giá di sản thừa kế nhà và đất số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn K đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở trị giá còn lại trị giá 2.127.529.835 đồng .

- Chia cho chị Ngô Hoàng N, Ngô Bích N, Ngô Hồng N, Ngô Xuân H mỗi người 1/6 kỷ phần thừa kế nhà và đất số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 354.588.305 đồng, anh H được chia 2/6 kỷ phần thừa kế là 709.176.610 đồng (trong đó có một phần là công sức gìn giữ bảo quản di sản)

- Chia cho anh H tiếp tục quản lý sở hữu căn nhà có kết cấu chung: nhà 3 tầng, cột bê tông, vách tường, mái bê tông, nền gạch ceramic, khu phụ gắn liền phần đất có diện tích 64,27 m² (đo đạc thực tế là 88,4m²) (theo VLAP là thửa đất số 98) tọa lạc số nhà 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn K đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, có trị giá sau khi khấu trừ chi phí nuôi bệnh ông K còn lại là 2.127.529.835 đồng.

- Buộc anh H có nghĩa vụ chia lại kỷ phần di sản trị giá bằng tiền cho chị Ngô Hoàng N, Ngô Bích N, Ngô Hồng N, Ngô Xuân H mỗi người là 354.588.305 đồng.

- Buộc chị Ngô Hoàng N tự di dời đồ đạc tư trang cá nhân và cơ sở mua bán thuốc tây giao lại cho anh H căn nhà số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ghi nhận anh H hoàn trả 12.251.250 đồng (mười hai triệu hai trăm năm mươi một ngàn hai trăm năm chục đồng) trị giá vách nhôm kính quầy thuốc cho chị Ngô Hoàng N.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Ngô Hữu H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở phần diện tích nhà và đất được chia theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của anh H xác định căn nhà có kết cấu chung: nhà 3 tầng, cột bê tông, vách tường, mái bê tông, nền gạch ceramic, khu phụ tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản của vợ chồng anh H.

Không chấp nhận yêu cầu chia căn nhà có kết cấu chung: nhà 3 tầng, cột bê tông, vách tường, mái bê tông, nền gạch ceramic, khu phụ gắn liền phần đất diện tích 64,27 m² (đo đạc thực tế là 88,4m²) (theo VLAP là thửa đất số 98) tọa lạc tại số 195, tổ 18, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho chị Ngô Hoàng N.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự gồm anh Ngô Hữu H, chị Ngô Hoàng N, chị Ngô Bích N, chị Ngô Hồng N, chị Ngô Xuân H giao thửa đất số 144, tờ bản đồ số 4, diện tích 205,2 m² mục đích sử dụng đất ở đô thị (đo đạc

thực tế 191,2 m²) (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ chưa cấp đổi mới là thửa đất số 174A, tờ bản đồ số 112 diện tích 318 m² loại đất QT) do ông Ngô Văn K đứng tên quyền sử dụng đất tọa lạc tại số nhà 333A, tổ 23 khu 3, thị trấn C, huyện C trị giá 3.250.400.000 đồng cho chị Ngô Bích N, chị Bích N chia lại cho các đồng thừa kế gồm anh Ngô Hữu H, chị Ngô Hoàng N, chị Ngô Hồng N và chị Ngô Xuân H mỗi người nhận một kỷ phần với số tiền là 650.080.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Ngô Bích N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất được chia theo quy định pháp luật.

Thời gian thực hiện giao tiền và di dời tài sản khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên phải thi hành chậm thi hành khoản tiền còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Anh Ngô Hữu H không phải chịu án phí phúc thẩm, anh H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.777.700 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí 12.300.000 đồng theo các biên lai thu số 06541 ngày 14/3/2017 và số 09310 ngày 27/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C được khấu trừ nên còn phải nộp tiếp 40.477.700 đồng

Chị Ngô Bích N, chị Ngô Xuân H mỗi người phải chịu là 42.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Chị Ngô Hoàng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 42.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị N đã nộp tạm ứng án phí 4.084.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08392 ngày 26/3/2018 và biên lai thu số 09297 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C được căn trừ nên còn phải nộp tiếp 38.356.000 đồng.

Chị Ngô Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 42.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị đã nộp tạm ứng án phí 4.084.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 08391 ngày 26/3/2018 và biên lai thu số 09298 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án huyện C được căn trừ nên còn phải nộp tiếp 38.356.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 08/5/2019 có mặt ông A, chị Bích N, chị Hữu H./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. H;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em